**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI BÌNH ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HSG LỚP 12**

 **TRƯỜNG THPT BÌNH THANH NĂM HỌC: 2024 – 2025**

 **Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài 90 phút không kể thời gian giao đề*

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN(9 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 36. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1:** Nước ta có vị trí nằm trong khu vực gió mùa điển hình trên thế giới nên có:

 **A.** các thành phần tự nhiên thay đổi theo mùa. **B.** chế độ nhiệt phân hóa rõ theo không gian.

 **C.** nhiều thiên tai của vùng biển nhiệt đới ẩm. **D.** hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm trên đá vôi.

**Câu 2.** Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu, gần trung tâm gió mùa châu Á nên khí hậu nước ta có đặc điểm:

 **A.** độ ẩm cao và chịu ảnh hưởng bởi gió Tín phong.

 **B.** bức xạ Mặt trời lớn, cân bằng ẩm luôn dương.

 **C.** lượng mưa nhiều và nhiệt độ có sự phân mùa.

 **D.** nhiệt độ cao và có sự phân hóa theo thời gian.

**Câu 3:** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự hình thành gió mùa ở Việt Nam?

**A.** Sự chênh lệch khí áp giữa đất liền và biển. **B.** Sự chênh lệch độ ẩm giữa ngày và đêm.

**C.** Sự tăng và hạ khí áp một cách đột ngột. **D.** sự chênh lệch nhiệt, ẩm giữa đất và biển.

**Câu 4.** Nhân tố nào dưới đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

 **A.** Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.

 **B.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.

 **C.** Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.

 **D.** Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

**Câu 5.** Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu?

 **A.** làm cho miền Bắc nước ta có mùa đông lạnh.

 **B.** gây mưa phùn vào đầu xuân trên toàn lãnh thổ nước ta.

 **C.** gây thời tiết lạnh, khô cho miền Bắc nước ta.

 **D.** gây mưa vào mùa hạ trên toàn lãnh thổ nước ta.

**Câu 6.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nước ta chủ yếu do:

 **A.** đồi núi rộng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai đa dạng.

 **B.** khí hậu nóng ẩm, mưa theo mùa, đất feralit phân bố rộng.

 **C.** sinh vật nhiệt đới, nhiệt độ cao, nhiều cao nguyên lớn.

 **D.** lượng mưa lớn, đồng bằng rộng, đất phù sa màu mỡ.

**Câu 7.** Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn chủ yếu do:

 **A.** địa hình dốc, mưa lớn theo mùa, vỏ phong hóa vụn bở.

 **B.** thiên tai xảy ra nhiều, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.

 **C.** khí hậu nhiệt đới ẩm, tàn phá rừng, canh tác thiếu hợp lí.

 **D.** cấu trúc địa hình núi, lượng mưa lớn, đất dễ bị xói mòn.

**Câu 8.** Đất feralit có mùn xuất hiện ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi chủ yếu do:

 **A.** sinh vật thấp nhỏ, bóc mòn mạnh, lượng mưa ít.

 **B.** phong hóa ngừng trệ, nhiệt độ thấp, độ ẩm tăng.

 **C.** rừng kém phát triển, khí hậu mát mẻ, đồi núi dốc.

 **D.** mưa nhiều, nhiệt độ giảm, quá trình feralit yếu đi.

**Câu 9.** Thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ được thể hiện ở:

 **A.** độ cao núi, đường bờ biển khúc khuỷu, Tín phong bán cầu Bắc mạnh.

 **B.** tính nhiệt đới suy giảm, bán bình nguyên rộng, hướng núi vòng cung.

 **C.** nhiều đồi núi thấp, gió đông nam hoạt động, khí hậu thiếu ổn định.

 **D.** gió từ Xích đạo tới hoạt động, gió đông bắc yếu, mùa đông đến sớm.

**Câu 10.** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có thời gian mùa mưa chậm dần về phía nam chủ yếu do tác động của:

 **A.** gió mùa mùa đông, Tín phong, dải hội tụ, độ cao núi, dãy Trường Sơn Bắc.

 **B.** gió đông bắc, gió tây nam, frông cực, hình dạng lãnh thổ, bề mặt địa hình.

 **C.** gió mùa hạ, gió mùa đông, hướng núi tây bắc - đông nam, dải hội tụ, bão.

 **D.** gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam, gió phơn, cấu trúc địa hình, áp thấp.

**Câu 11.** Mục tiêu ban hành “sách đỏ Việt Nam” là

 **A**. đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn tài nguyên sinh vật của đất nước.

 **B.** bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

 **C.** lưu giữ các loài động, thực vật ở trong các viện bảo tàng thiên nhiên.

 **D.** kiểm kê các loài động, thực vật ở Việt Nam có số lượng loài đa dạng.

**Câu 12.** Miền Nam có biên độ nhiệt độ năm thấp hơn so với miền Bắc chủ yếu do tác động của:

 **A.** vị trí gần xích đạo, các loại gió, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

 **B.** cấu trúc địa hình, Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam thổi tới.

 **C.** góc chiếu sáng ít thay đổi, gió mùa, bức xạ Mặt Trời nhận được.

 **D.** gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam, diện tích đồng bằng lớn.

**Câu 13.** Giải pháp bảo vệ tài nguyên đất ở khu vực đồng bằng nước ta là:

 **A.** bón phân thích hợp. **B.** củng cố đê ven biển.

 **C.** làm ruộng bậc thang **D**. đào hồ kiểu vảy cá.

**Câu 14**. Vấn đề nào sau đây là trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước vào mục đích sản xuất ?

 **A**. Phân bố lượng nước không đồng đều giữa các vùng.

 **B**. Nước ngọt ở nhiều vùng bị nhiễm mặn, nhiễm phèn.

 **C**. Phân bố lượng nước chênh lệch lớn giữa các mùa.

 **D**. Môi trường nước ở cửa sông ngày càng bị ô nhiễm.

**Câu 15.** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thổ nhưỡng nước ta được thể hiện ở?
 **A.** Đất bị rửa trôi các chất bazơ dễ tan, tích tụ oxit sắt và nhôm.
 **B.** Phong hoá mạnh ở đồi núi, xâm thực mạnh ở đồng bằng.
 **C.** Sông ngòi có lượng nước dồi dào, mang theo nhiều phù sa.
 **D.** Năng suất sinh học cao của các quần xã động, thực vật.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây *không phải* là nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá Đông – Tây của thiên nhiên nước ta?
 **A**. Tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.
 **B.** Hướng của các dãy núi và sự phân hoá độ cao.
 **C.** Tác động của biển và sự phân hoá địa hình.
 **D**. Sự phân hoá của sinh vật và mạng lưới sông ngòi.

**Câu 17.** Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta *không* biểu hiện ở dấu hiệu nào sau đây?
 **A.** Các chất khí SO₂, CO, NO và nồng độ bụi trong không khí vượt tiêu chuẩn cho phép.
 **B.** Chất lượng không khí tại các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng suy giảm.
 **C.** Sự biến đổi các tính chất vật lí, hóa học,... của thành phần không khí gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.
 **D.** Ô nhiễm không khí có nhiều nguyên nhân như sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hoạt động các làng nghề...

**Câu 18.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là do:

**A.** Địa hình đồi núi thấp, mưa lớn và tập trung theo mùa.

**B.** Chế độ mưa phân hóa theo mùa, độ dốc của địa hình.

**C.** Nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.

**D.** Địa hình nhiều đồi núi, đất đá vụn bở và dễ bóc mòn.

**Câu 19.** Cho biểu đồ

Diện tích và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 2008 - 2021

****

*(Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 2022)*

Nhận xét nào sau đây đúng với sự biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2021?

 **A.** Tổng diện tích rừng nước ta tăng liên tục.

 **B.** Tỉ lệ che phủ rừng nước ta tăng 3,3% .

 **C.** Diện tích rừng trồng giảm qua các năm.

 **D.** Diện tích rừng không đổi qua các năm.

**Câu 20.** Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG PHÂN THEO LOẠI RỪNG CỦA NƯỚC TA

 GIAI ĐOẠN 2018 - 2021 *(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Trong đó |
| Rừng sản xuất | Rừng phòng hộ | Rừng đặc dụng |
| 2018 | 282,1 | 267,7 | 12,5 | 1,9 |
| 2019 | 267,9 | 255,4 | 11,1 | 1,4 |
| 2020 | 269,9 | 260,3 | 7,8 | 1,8 |
| 2021 | 290,0 | 281,0 | 8,0 | 1,0 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô diện tích rừng trồng mới tập trung phân theo loại rừng của nước ta giai đoạn 2018 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

 **A.** Miền, đường. **B.** Cột, đường. **C.** Tròn, miền. **D.** Kết hợp, cột.

**Câu 21.** Các nhân tố chủ yếu gây ra ô nhiễm không khí ở vùng nông thôn nước ta là:

 **A.** hóa chất bay hơi, sản xuất điện, khai khoáng.

 **B.** đốt rơm rạ, thuốc bảo vệ thực vật, chăn nuôi.

 **C.** khói bụi giao thông, các sinh hoạt, trồng trọt.

 **D.** chất thải, trang trại, ngành vật liệu xây dựng.

**Câu 22:** Phân bố dân cư nước ta hiện nay:

 **A.** đồng đều ở các vùng kinh tế phát triển. **B.** gắn liền với trình độ phát triển kinh tế.

 **C.** rất phù hợp với sự phân bố tài nguyên. **D.** tập trung đông đúc ở những đảo xa bờ.

**Câu 23.** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nông thôn nước ta nhằm:

 **A.** khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên và sử dụng tối đa lao động.

 **B.** hạn chế việc di dân tự do từ vùng đồng bằng lên vùng đồi núi.

 **C.** chuyển quỹ đất nông nghiệp thành đất thổ cư và chuyên dùng.

 **D.** hình thành các đô thị, tăng tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân.

**Câu 24:** Lao động nước ta hiện nay:

 **A.** có sự thích nghi với xu thế hội nhập. **B.** hầu hết có trình độ cao đẳng, đại học.

 **C.** phần lớn làm việc trong lâm nghiệp. **D.** chủ yếu phân bố ở trung du, núi cao.

**Câu 25.** Mục đích chủ yếu của việc thu hút các nguồn đầu tư ở các đô thị nước ta hiện nay là:

 **A.** phát triển kinh tế, hiện đại hóa hạ tầng, giải quyết tốt việc làm.

 **B.** phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường, tăng dân thành thị.

 **C.** mở rộng đô thị, tăng sản phẩm hàng hóa, nâng cao mức sống.

 **D.** thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu ngành, liên kết các đô thị.

**Câu 26:** Vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là:

 **A**. ưu tiên công nghiệp công nghệ cao. **B**. ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật.

 **C**. khai thác lãnh thổ theo chiều rộng. **D**. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 27:** Mục đích chủ yếu của việc tăng cường áp dụng khoa học - kĩ thuật và giống mới trong sản xuất nông nghiệp nước ta là:

 **A.** phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu. **B.** tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

 **C.** nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội. **D.** đẩy mạnh sản xuất theo hướng hàng hóa.

**Câu 28.** Nông nghiệp công nghệ cao đang là xu hướng phát triển mạnh ở nước ta chủ yếu do?

**A.** tăng sản lượng, kiểm soát tốt dịch bệnh.

**B.** hiệu quả sản xuất cao, bảo vệ môi trường.

**C.** phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, dễ tiêu thụ.

**D.** tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

**Câu 29.** Việc phát triển nông nghiệp nước ta trong tương lai không bao gồm xu hướng nào sau đây?
 **A.** Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị.
 **B.** Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp.
 **C.** Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hiện đại.
 **D.** Mở rộng diện tích các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 30:** Việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thu hút các nguồn đầu tư, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

**B.** Tăng cường chất lượng nguồn lao động và hội nhập quốc tế.

**C.** Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, sản xuất các hàng xuất khẩu.

**D.** Tập trung phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**Câu 31.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sản lượng hải sản khai thác ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?
 **A.** Đẩy mạnh khai thác xa bờ, phương tiện đánh bắt hiện đại hơn.
 **B.** Ngư dân ngày càng có nhiều kinh nghiệm đánh bắt.
 **C.** Áp dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong khai thác.
 **D.** Do vùng biển nước ta có trữ lượng hải sản rất lớn.

**Câu 32.** Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành lâm nghiệp ở nước ta hiện nay?

 **A.** Sản lượng gỗ khai thác rừng tự nhiên tăng nhanh.

 **B.** Rừng trồng chủ yếu là rừng phòng hộ đầu nguồn.

 **C.** Các hệ sinh thái rừng bền vững đang được chú trọng.

 **D.** Diện tích rừng trồng đang có xu hướng giảm.

**Câu 33.** Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

 Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015- 2021*(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2020** | **2021** |
| Kinh tế Nhà nước | 4779,9 | 4595,4 | 4098,4 | 3951,7 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 45132,8 | 44905,4 | 44777,4 | 40534,0 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 3197,8 | 4207,8 | 4733,8 | 4586,3 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

 **A.** Tròn, miền, đường. **B.** Kết hợp, cột, miền.

 **C.** Cột, miền, tròn. **D.** Miền, đường, cột.

**Câu 34.** Một trong những biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay là:

 **A**. hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn.

 **B**. đẩy mạnh thu hút khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

 **C**. phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường.

 **D**. phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 35.** Cho biểu đồ sau:



*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây

 **A.** Tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa ở nước ta giai đoạn 2005 - 2021 .

 **B.** Tình hình sản xuất lúa ở nước ta giai đoạn 2005 - 2021.

 C. Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ .

 **D**. Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

**Câu 36.** Hình thức tổ chức vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Là những hộ sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn và đang chuyển hướng sang tổ chức sản xuất kinh doanh.

 **B.** Hình thành và phát triển một số loại nông sản phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp của từng địa phương.

 **C.** Có tính đặc trưng riêng về điều kiện sinh thái, kinh tế – xã hội và hướng chuyên môn hoá trong sản xuất.

 **D.** Phát triển một số sản phẩm nông sản dựa vào điều kiện kinh tế – xã hội ở trong nước và thị trường xuất khẩu.

**PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI. (8 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Trong mỗi ý a), b),c),d) thí sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 1.** Cho thông tin sau.

 Trước hết, Việt Nam có vị trí địa - chiến lược trong một khu vực chiến lược trọng yếu hàng đầu trên thế giới. Đông Nam Á nằm trên trục đường giao thông quan trọng các tuyến hàng hải, thương mại vào loại nhộn nhịp nhất châu Á, là vùng đất giàu tiềm năng và là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên toàn cầu. Thứ hai, vị trí “cửa ngõ”, “tiền tiêu” của Việt Nam khiến nước ta từ trước đến luôn là địa bàn cạnh tranh địa chính trị, xác lập và mở rộng ảnh hưởng giữa các cường quốc.

*(Theo Tạp chí Cộng sản, https://ww.tapchicongsan.org.vn)*

 **a)** Việt Nam nằm ở trung tâm Đông Nam Á – khu vực có kinh tế phát triển năng động.

 **b)** Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.

 **c)** Vị trí địa lí đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.

 **d)** Vị trí địa lí đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.

**Câu 2.** Cho thông tin sau.

Việt Nam có thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nhưng phân hóa đa dạng, phức tạp. Sự phân hóa này diễn ra theo thời gian và theo không gian do tác động của nhiều nhân tố khác nhau như vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, các loại gió và địa hình.

 **a)** Thiên nhiên ở khu vực đồi núi phân hóa đa dạng chủ yếu do địa hình và các loại gió thịnh hành.

 **b)** Miền khí hậu phía Nam có biên độ nhiệt trung bình năm thấp hơn miền khí hậu phía Bắc chủ yếu do vị trí địa lí, Tín phong bán cầu Bắc và gió mùa hạ.

 **c)** Nhiều vùng núi ở nước ta có thiên nhiên phân hóa thành ba đai cao với chế độ nhiệt ẩm, đất và sinh vật khác nhau.

 **d)** Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu dựa trên cơ sở thay đổi về nhiệt độ trong năm.

**Câu 3**. Cho thông tin sau.

Việt Nam hiện đang đứng trong top 10 các nước ô nhiễm không khí ở Châu Á. Đáng lưu ý, tổng lượng bụi ở hai siêu đô thị Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đang liên tục tăng cao khiến chỉ số chất lượng không khí luôn ở mức báo động. Ô nhiễm không khí ở nước ta do nhiều nguyên nhân khác nhau và tác động tiêu cực đến sức khỏe con người cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội.

*(Nguồn: Tạp chí Con số ở Sự kiện, https://consosukien.vn)*

 **a)** Đô thị có tình trạng ô nhiễm không khí diễn ra nghiêm trọng hơn so với nông thôn.

 **b)** Sản xuất công nghiệp là nguồn gây ô nhiễm không khí ở nước ta.

 **c)** Ô nhiễm không khí ở nước ta nguyên nhân chính là do tác động của ngành nông nghiệp.

 **d)** Hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân góp phần khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí.

**Câu 4:** Cho thông tin sau.

 Việt Nam hiện tồn tại hai thực trạng về dân số, vừa trong giai đoạn dân số vàng, vừa đang trong quá trình già hóa dân số. Do đó, đây là thời điểm tốt để nước ta có những chính sách hợp lý nhằm kéo dài thực trạng dân số vàng và ứng phó với xu hướng già hóa dân số.

 **a)** Cơ cấu dân số vàng ở nước ta đang đi vào giai đoạn những năm cuối cùng của quá trình phát triển dân số.

 **b)** Dân số vàng cũng đặt ra thách thức với nước ta là chất lượng lao động còn chưa cao, thiếu hụt lao động có tay nghề.

 **c)** Cơ cấu dân số nước ta có xu hướng già hóa chủ yếu do tuổi thọ tăng, chất lượng cuộc sống tăng.

 **d)** Để tận dụng lợi thế của thời kì “dân số vàng” thì nước ta cần phải gia tăng giải quyết việc làm và thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1999** | **2009** | **2019** | **2021** |
| Quy mô dân số (triệu người) | 76,5 | 86,0 | 96,5 | 98,5 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số (%) | 1,51 | 1,06 | 1,15 | 0,94 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

**a)** Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm.

**b)** Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021.

**c)** Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do dân số đông, số người trong độ tuổi sinh đẻ ít.

**d)** Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021.

**Câu 6.** Cho thông tin sau.

 Mục tiêu của Quy hoạch đến năm 2030 đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển, sắp xếp, phân bố hệ thống đô thị và nông thôn thống nhất, hiệu quả, toàn diện, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển, có môi trường sống lành mạnh, có khả năng chống chịu, thích ứng nước biển dâng, biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường và giảm phát thải.

*(Nguồn: Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, https://dangcongsan.vn/) Nhận định*

 **a)** Việc quy hoạch đô thị góp phần phát triển đô thị bền vững.

 **b)** Các giải pháp thích ứng thiên tai vùng đô thị tập trung toàn bộ ở các đô thị phía nam.

 **c)** Hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị chủ yếu nhằm nâng cao trình độ dân trí.

 **d)** Các ngành kinh tế xanh đóng góp quan trọng trong việc giảm phát thải tại các đô thị.

**Câu 7***.* Cho bảng số liệu sau

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****GDP** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | 421 253 | 489 989 | 535 022 | 565 987 |
| Công nghiệp, xây dựng | 904 775 | 1 778 887 | 2 561 274 | 2 955 806 |
| Dịch vụ | 1 113 126 | 2 190 376 | 2 955 777 | 3 365 060 |

*(Nguồn: Niên giám thống kế Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 **a)** Giá trị sản xuất của các ngành kinh tế ở nước ta tăng giảm không đều.

 **b)** Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.

 **c)** Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ có tốc độ tăng nhanh nhất.

 **d)** Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, xây dựng có tốc độ tăng nhanh nhất.

**Câu 8.** Cho thông tin sau.

“Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023 là năm thực hiện đổi mới tư duy và mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp. Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng và là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, cán cân tương đối lớn của nền kinh tế và góp phần ổn định tầm quốc tế về kinh tế vĩ mô. Ngành đã tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn mang ra quốc tế, trong đó có festival quốc tế ngành hàng lúa gạo,..; qua đó giúp quảng bá hình ảnh, thương hiệu nông – lâm – thuỷ sản trong nước, khu vực và quốc tế, thúc đẩy tiêu thụ nông sản.

*(Nguồn: Báo điện tử Chính phủ, ngày 03/01/2024)*

 **a)** Nông nghiệp có vai trò to lớn trong nền kinh tế đất nước.

 **b)** Một trong các xu hướng chính là phát triển nông nghiệp hàng hoá, hướng ra xuất khẩu.

 **c)** Tỉ trọng đóng góp của ngành trồng lúa ngày càng tăng.

 **d)** Cơ cấu kinh tế nông thôn có sự thay đổi mạnh mẽ.

**PHẦN III. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN(3 điểm).**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng dòng chảy các tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng m3/s | 1022 | 905 | 853 | 1004 | 1578 | 3469 | 5891 | 6245 | 4399 | 2909 | 2024 | 1285 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình các tháng mùa lũ tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m3/s*).

**Câu 2.** Tại độ cao 2500m trên dãy núi Phan xi păng có nhiệt độ là 190C. Hỏi cùng thời điểm này ở độ cao 700m nhiệt độ là bao nhiêu 0C? *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của 0C).*

**Câu 3:** Năm 2021 diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha và diện tích tự nhiên là 331 134,5 km2. Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*.

**Câu 4:** Dân số nước ta năm 2016 là 92,6 triệu người. Giả sử tốc độ gia tăng dân số là 0,86% và không đổi thì dân số nước ta đạt 100 triệu người vào năm nào ?

**Câu 5.** Năm 2021 số dân thành thị của nước ta là 36,6 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 37,1 %. Tính số dân của nước ta năm 2021 (*làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhấtcủa triệu người ).*

**Câu 6.** Năm 2021, tổng sản lượng thuỷ sản của nước ta là 8,8 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác thuỷ sản là 3,9 triệu tấn. Tính tỉ trọng sản lượng thuỷ sản nuôi trồng của nước ta năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).*

------- HẾT-------

*Thí sinh không sử dụng tài liệu và Át lát Địa lí khi làm bài*